HTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** **TỈNH AG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:233/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 05 – 5– 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kiều D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà 1374, tổ 06, ấp Mỹ Thuận, xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh AG (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Thiều Văn C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2023, nguyên đơn bà Kiều D trình bày như sau:

+ Về hôn nhân: Bà D và ông C C sống với nhau từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Ông C đã bỏ nhà từ năm 1988 đến nay và không quay về, nay bà D yêu cầu xin ly hôn với ông C.

+ Về con C: Bà D và ông C có một con C tên Trần Thị Kiều Trang, sinh ngày 13/01/1989, nay cháu Trang đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản C, nợ C: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Thiều Văn C được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông C cư trú cuối cùng tại xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh AG, nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông C C sống với nhau từ năm 1988, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông C là vợ chồng.

[2.2] Về con C: Bà D và ông C có một con C tên Trần Thị Kiều Trang, sinh ngày 13/01/1989, nay cháu Trang đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản C và nợ C: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Kiều D và ông Thiều Văn C là vợ chồng.

2. Về con C: Con C thành niên tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 13/01/1989 đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản C và nợ C: Bà D và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005238 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đương sự; (2)
- UBND Mỹ Đức; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng V